

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN MIỄN HỌC, MIỄN THI, CDR NGOẠI NGỮ CHUYÊN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
KHOA NN&VH NHẬT BẢN**

(Ban hành theo Quyết định số: 990 /QĐ-ĐT ngày 03/5/2019)

TT	MSV	Họ tên SV	Ngày sinh	Lớp	Công nhận			Đối tượng	Ghi chú
					Miễn học HP/ Điểm ghi học phần	Miễn thi /Điểm ghi	Chuẩn đầu ra		
1	14040537	Trần Thị Thanh Minh	20.03.1996	QH.2015.F1.J1	Không	Không	C1	JLPT N1 (113/180)	
2	14040212	Phạm Thu Hà	10.08.1996	QH.2015.F1.J5	Không	Không	C1	JLPT N1 (112/180)	
3	14040643	Đặng Thị Oanh	04.02.1996	QH.2015.F1.J5	Không	Không	C1	JLPT N1 (102/180)	
4	14040504	Hoàng Thị Ly	28.01.1996	QH.2015.F1.J5	Không	Không	C1	JLPT N2 (128/180)	
5	15043158	Lê Tố Uyên	21.09.1997	QH.2015.F1.J4	Không	Không	C1	JLPT N2 (121/180)	
6	14040002	Lê Thúy An	21.09.1996	QH.2015.F1.J3	Không	Không	C1	JLPT N2 (158/180)	
7	13040417	Phạm Diệu Linh	28.04.1995	QH.2015.F1.J2	Không	Không	C1	JLPT N1 (113/180)	
8	14040680	Vũ Thu Phương	03.09.1995	QH.2015.F1.J2	Không	Không	C1	JLPT N2 (150/180)	
9	15040450	Tạ Thị Hoàng Yến	02.10.1997	QH.2015.F1.J5	Không	Không	C1	JLPT N2 (128/180)	
10	15040215	Dương Khánh Linh	05.11.1997	QH.2015.F1.J5	Không	Không	C1	JLPT N2 (126/180)	
11	15043820	Lê Thái Thanh	12/12/1904	QH.2016.F1.J1	Không	Không	C1	JLPT N1 (105/180)	
12	14041101	Quách Yến Nhi	21.03.1996	QH.2015.F1.J1	Không	Không	C1	JLPT N1 (120/180)	
13	14040959	Đỗ Thị Hà Vi	02.10.1996	QH.2015.F1.J1	Không	Không	C1	JLPT N1 (133/180)	
14	14041109	Lê Thị Vân Anh	08.08.1995	QH.2015.F1.J4	Không	Không	C1	JLPT N1 (140/180)	

Danh sách này 14 có sinh viên.

TL/ HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thúy Lan